

SỞ HỮU TƯ NHÂN TỪ GÓC NHÌN TRIẾT HỌC CỦA C.MÁC VỀ CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN HIỆN NAY

★ TS PHẠM ANH HÙNG

Viện Triết học.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Ph.Ăngghen cho rằng, quan điểm duy vật lịch sử (DVLS) là một trong hai phát hiện thiên tài của C.Mác. Học thuyết về tồn tại Người là nền tảng để C.Mác đề xuất quan điểm DVLS, là cơ sở để xây dựng bộ công cụ, phương tiện và phương pháp luận để phân tích xã hội ở các nấc thang phát triển khác nhau. Chân giá trị khoa học của triết học C.Mác về tồn tại Người là nền tảng lý luận để chúng ta cần nhắc các chủ trương, chính sách liên quan đến sở hữu tư nhân hiện nay.

● **Từ khóa:** Quan điểm của C.Mác về tồn tại Người, sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân.

1. Tồn tại Người trong quan điểm duy vật lịch sử của C.Mác

Trước C.Mác, những học thuyết triết học của Hốpxơ, Rút-xô, Lóc-xơ, Mông-tét-xkiơ... được coi như những lý luận triết học bảo vệ chế độ sở hữu tư nhân (SHTN) và CNTB. Điểm chung của các nhà triết học là đều xuất phát từ tồn tại người, bản chất con người, hoạt động của con người trong xã hội để lý giải về sự tồn tại của xã hội, của nhà nước và hệ thống xã hội của các thể chế kinh tế - xã hội, bảo vệ SHTN và chế độ TBCN. Sau C.Mác, những học thuyết triết học như chủ nghĩa thực dụng (pragmatism), chủ nghĩa thực chứng (positivism) với những biến thể của nó... về cơ bản vẫn là những học thuyết triết học xuất

phát từ tồn tại người để lý giải cho sự tồn tại, sự ưu việt của mô hình CNTB. Trong triết học, C.Mác khái quát, trừu tượng hóa tồn tại người dưới nhiều hình thức riêng biệt. Ông làm nổi bật vấn đề tồn tại người trong hoạt động kinh tế (hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp sản xuất của cái vật chất, hoạt động thụ hưởng sản phẩm do hoạt động sản xuất của cái vật chất...) và hoạt động chính trị. Thông qua phân tích về tồn tại người, C.Mác xây dựng hệ thống lý luận về quan điểm duy vật lịch sử và vận dụng quan điểm đó để vạch trần bản chất của CNTB.

Sự phát triển của xã hội loài người đã trải qua những nấc thang phát triển khác nhau: xã hội cộng sản nguyên thủy - xã hội chiếm hữu nô lệ -

xã hội phong kiến - xã hội TBCN. C.Mác đã phát hiện ra: kể từ khi xã hội có giai cấp, mỗi nấc thang phát triển của xã hội đều do hai giai cấp đặc trưng cho nấc thang phát triển đó quyết định sự hình thành, sự phát triển, sự tiêu vong và sự nảy sinh nấc thang mới cao hơn. Đó là giai cấp chủ nô và nô lệ trong xã hội chiếm hữu nô lệ (CHNL); giai cấp địa chủ và nông dân trong xã hội phong kiến. Khi CNTB ra đời, nhân loại sang một nấc thang phát triển mới hoàn toàn khác biệt với các nấc thang xã hội trước đây. Sự đặc biệt của CNTB thể hiện trước hết ở năng lực sản xuất ra của cải vật chất: "đóng cửa cái khổng lồ bằng tất cả các thế hệ trước đây cộng lại" và đã sản xuất ra những sản phẩm hàng hóa mà trước đây loài người chưa từng có, chưa từng nghĩ ra... Ở đây, trước hết phải nói đến vai trò của giai cấp tư sản, những người sở hữu TLSX kiểu mới, khác biệt hoàn toàn với các kiểu TLSX trước đây: "Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử"⁽¹⁾. Sức mạnh của giai cấp tư sản, sức mạnh của phương thức sản xuất TBCN đã làm được những điều mà trong các phương thức sản xuất trước đây không làm được: "Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó"⁽²⁾. Rõ ràng, C.Mác là người đánh giá cao giai cấp tư sản và CNTB. Chính sự phát triển mạnh mẽ của nó đặt tư duy khoa học của ông phải tìm ra bản chất, nguyên nhân, động lực phát triển của CNTB chứ không phải xuất phát từ ý tưởng chống CNTB để xây dựng học thuyết của mình. Khi tìm ra bản chất của CNTB, ông bóc trần sự thật về hình thái kinh tế xã hội ấy và chỉ ra một cách khoa học những giới hạn, những điều kiện tất yếu để nó phải bị thay thế bởi một

hình thái kinh tế xã hội cao hơn, tốt đẹp hơn. Do đó, CNTB là chế độ SHTN cuối cùng trong lịch sử của loài người.

Theo C.Mác, ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, thuộc nấc thang phát triển nào của xã hội con người, hoạt động riêng biệt của con người (hoạt động tinh thần và hoạt động vật chất cảm tính) chính là hiện thân của tôn tai người. Con người chỉ có thể chứng minh sự tồn tại, vận động và biến đổi của mình thông qua hoạt động tạo ra các sản phẩm ở lĩnh vực khác nhau. Đây được gọi là quá trình hiện thực hóa con người (nhà thơ phải hiện thực hóa mình thành sản phẩm là các bài thơ, họa sĩ phải hiện thực hóa chính mình thành sản phẩm qua các bức tranh, nhạc sĩ phải hiện thực hóa chính mình trong các bản nhạc, con người chính trị phải hiện thực hóa mình trong các hoạt động chính trị, trong các đảng phái chính trị...). Hoạt động hiện thực hóa của con người có hai loại: hiện thực hóa thông qua các sản phẩm vật chất cảm tính và hiện thực hóa thông qua các sản phẩm tinh thần. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác chỉ ra tiền đề xuất phát của triết học của mình: "chúng ta xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực và chính là xuất phát từ quá trình đời sống hiện thực của họ..."⁽³⁾. Đời sống hiện thực của con người chính là "những hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy sản có cũng như những điều kiện do chính họ tạo ra"⁽⁴⁾. Hoạt động hiện thực hóa của con người ít nhất là để tạo ra những sản phẩm thỏa mãn nhu cầu tối thiểu cho chính sự tồn tại của mình (sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất, sản xuất và tái sản xuất ra tinh thần, sản xuất và tái sản xuất ra chính con người). Điều hiển nhiên, không ai chối cãi được là để tồn tại, con người phải được thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu của mình và những sản phẩm đó là kết

quả của hoạt động hiện thực hóa của con người. Những nhu cầu tối thiểu cho sự tồn tại người ở mỗi thời kỳ lịch sử, mỗi nấc thang phát triển của xã hội sẽ khác nhau. C. Mác đã chỉ ra những vấn đề căn bản và cốt yếu của xã hội ở bất cứ nấc thang nào là trong toàn bộ các hoạt động của tồn tại người, hoạt động trong lĩnh vực kinh tế là cơ sở, nền tảng, điều kiện, nguyên nhân, mục tiêu của toàn bộ các hoạt động trong đời sống xã hội. Đặt hoạt động bình thường, hàng ngày của con người, những hoạt động mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng trong hệ thống kết cấu các thể chế của xã hội nơi diễn ra các hoạt động của xã hội tư bản. C. Mác nhận ra rằng, cần chú ý đến hệ thống kết cấu các thể chế kinh tế - chính trị, lĩnh vực chính thúc đẩy hoặc kìm hãm con người hiện thực hóa các mục đích và ý định của mình. C. Mác viết: "Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó"⁽⁵⁾. Hệ thống các thể chế kinh tế - xã hội bao trùm lên hoạt động hiện thực hóa của con người chính là các hình thái kinh tế - xã hội. Mọi sự biến đổi của xã hội theo các nấc thang phát triển khác nhau đều phát bắt đầu từ chính hoạt động hiện thực hóa của con người. Cho nên, về phương pháp luận, phải tập trung sự chú ý và phân tích lĩnh vực lịch sử, nơi mà con người hiện thực hóa chính mình một cách thường xuyên và liên tục. Như vậy, nếu như học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là linh hồn, là

xương sống của toàn bộ quan điểm duy vật về lịch sử thì lý luận về tồn tại người và hoạt động hiện thực hóa của con người chính là cơ sở, là nền tảng để xây dựng hệ thống lý luận về hình thái kinh tế - xã hội. Vì vậy, mặc dù CNTB hiện nay đã thay đổi nhiều, nhưng những vấn đề cơ bản trong phân tích của C. Mác về hệ thống các thể chế (kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội) được nảy sinh trực tiếp từ hoạt động hiện thực hóa của con người trong sản xuất vật chất, những nhân tố thúc đẩy hay kìm hãm hoạt động hiện thực hóa của con người trong bối cảnh của SHTN TBCN vẫn còn giữ nguyên giá trị.

2. Số hữu tư nhân về tư liệu sản xuất: động lực phát triển và sự tha hóa con người

Khác với các nhà triết học trước và sau, C. Mác đã phân tích thấu đáo vị trí, vai trò của SHTN trong hoạt động hiện thực hóa và SHTN đã làm "tha hoá" con người như thế nào trong CNTB. Vị trí và vai trò của SHTN trong CNTB đã được nhiều nhà triết học trước C. Mác đề cao và biện luận. Trong Chương 1 của cuốn *Triết học pháp quyền*⁽⁶⁾, Hegel đã nắm bắt và thấu tóm tư tưởng của nhiều nhà triết học trước ông về SHTN thông qua những sự phân tích, trừu tượng về các thể chế của SHTN. Ông cho rằng, SHTN là cái cần thiết, là cơ sở để thỏa mãn các nhu cầu của con người và cộng đồng. Hegel cho rằng, nghiên cứu kinh tế chính trị phải bắt đầu từ "nhu cầu và lao động" nhưng ông lại không thấy được vai trò kinh tế rất quan trọng của SHTN trong các phân tích về nhu cầu và lao động. Hegel đã nhìn thấy mối liên hệ giữa vấn đề số hữu và pháp luật. Từ tác phẩm "Triết học pháp quyền", Hegel nhìn nhận rằng, pháp luật cần phải như người bảo vệ cho SHTN và coi SHTN như là một nhân tố của sự phát triển xã hội và nhà nước. Nghiên cứu về sự hài hòa giữa nhu cầu với sự thỏa mãn có tính chất cá nhân, Hegel mô tả quá trình mà các cá nhân

thỏa mãn nhu cầu của mình và qua đó tác động đến người khác trong khuôn khổ của xã hội công dân. Trong quan niệm của Hegel, tự do hiện thực của con người chỉ có được khi mà sở hữu của họ được pháp luật bảo vệ. Hegel đã phát hiện ra một vấn đề có tính quy luật của sự phát triển là thông qua những mâu thuẫn. Do không tập trung nghiên cứu những hoạt động căn bản và quan trọng nhất của tồn tại người, Hegel đã không tập trung vào nghiên cứu kinh tế chính trị và do vậy, Hegel không phải là người nhận ra được kinh tế là gốc gác của những thay đổi trong lịch sử. C.Mác đã vượt xa Hegel khi phân tích về vai trò của SHTN trong mối quan hệ giữa xã hội công dân, gia đình và nhà nước. Hegel cho rằng SHTN là điều kiện cần thiết để có tự do trong xã hội hiện đại. Theo C.Mác, điều kiện để có được cuộc sống tự do (điều kiện tối quan trọng cần thiết để con người hoạt động hiện thực hóa chính mình) là phải phá bỏ SHTN. C.Mác phê phán Hegel khi coi nhẹ vấn đề bản chất của xã hội công dân là quyền và lợi ích của công dân. Tiếp cận trên cơ sở pháp quyền đã không giúp Hegel không nhìn thấy mối quan hệ mật thiết giữa xã hội công dân với nhà nước chính là lợi ích. C.Mác cho rằng, nếu SHTN là vấn đề quan trọng nhất trong xã hội công nghiệp hiện đại thì khía cạnh pháp luật của nó bao giờ cũng là vấn đề thứ hai vì vấn đề nhà nước luôn là những cái nảy sinh từ SHTN.

Trong *Luận cương số 11 về Phoi-ơ-bác*, C.Mác cho rằng: các nhà triết học chỉ giải thích thế giới theo những cách khác nhau nhưng vấn đề là sự thay đổi, biến đổi của nó thông qua hoạt động thực tiễn và đây chính là phần trọng yếu nhất của toàn bộ tồn tại người. Khi hoạt động, chủ thể tiếp xúc với thế giới khách quan thì nó lại nhận ra không phải cái gì khác hơn là "tổng số những hoạt động sống và cảm giác được của những cá nhân hợp thành thế giới ấy"⁽⁷⁾. Nghĩa là, trong

hoạt động tác động vào thế giới, con người vẽ ra thế giới, biến đổi nó dựa trên cơ sở những cái con người thu nhận qua cảm giác. Thế giới xung quanh con người không phải là một thực tại lạnh lùng, khách quan mà như một "thân thể vô cơ" của con người. Như vậy, bản chất của con người thể hiện ra: (1) Qua chính sự biến đổi của thế giới bên ngoài con người sau tác động của hoạt động hiện thực hóa của con người. (2) Qua những quan hệ xã hội gắn với con người trong quá trình con người hoạt động. Mở rộng vào nhận thức xã hội, C.Mác đã nhận ra lao động như là chìa khoá để nhận thức bản chất người theo cả hai khía cạnh: thông qua lao động và những sản phẩm của lao động con người làm ra để nhận thức về bản chất con người; thông qua lao động con người hình thành hàng loạt các quan hệ xã hội và bản chất con người thể hiện thông qua những quan hệ xã hội đó. Mác đã chứng minh rằng, khi đáp ứng các yêu cầu sản xuất, con người có những hiểu biết sâu sắc bản chất và động cơ hoạt động của mình và cuối cùng hiểu chính con người. Vì vậy, ngay khi nhận thức được rằng, con người thực sự là những người hiểu biết và mong muốn mình trở thành con người có hiểu biết, họ biết cách quan tâm đến những vấn đề thực sự cần thiết, họ sẽ phải chủ động tham gia các hoạt động lao động sản xuất. Từ nhận thức lao động là hình thức để con người thể hiện tồn tại người của mình, C.Mác nhấn mạnh khía cạnh kinh tế trong vấn đề bản chất, nguyên nhân, động lực của sự phát triển xã hội. Ông tập trung phân tích mối tương quan giữa kinh tế với các quan hệ xã hội khác. Khi tham gia vào bất cứ hoạt động nào, con người đều huy động tất cả những cái gì thuộc về mình tham gia vào hoạt động đó. Nhưng nhân tố làm cản trở khả năng huy động toàn bộ năng lực của con người, sai lệch mục đích hoạt động của con người đều là nhân tố làm "tha

hóa” con người. Và ở đây, C.Mác nhận thấy, chính SHTN là nhân tố làm “tha hóa” hoạt động lao động và từ đó nó làm tha hóa bản chất của con người theo cả hai quá trình nêu trên: tha hóa bản chất con người trong quá trình con người vật hóa để thay đổi thế giới và tha hóa bản chất của con người trong các quan hệ xã hội. Trong phân tích từ góc độ triết học, C.Mác nhìn thấy SHTN một mặt, là sản phẩm của lao động bị tha hóa đồng thời là phương tiện để lao động của con người thực hiện sự tha hóa thông qua lao động, không có công cụ lao động thì bản chất của con người cũng không được thực hiện.

Trong văn phạm tiếng Đức, thuật ngữ “tha hóa” là: Entfremdung, EntauBerung; trong tiếng Anh là: Estrangement, Ehenation. Thời kỳ đầu, C.Mác sử dụng hai khái niệm này theo một ý nghĩa thống nhất để nói về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng khác nhau. C.Mác không chỉ dùng khái niệm “tha hoá” để giải thích về sự đối tượng hóa (sự vật hoá) bản chất con người, mà còn dùng nó để chỉ rõ các quan hệ kinh tế TBCN cũng như vạch trần sự bóc lột trong xã hội TBCN. Khác với Hegel, C.Mác đã nhận thấy SHTN chính là tư bản, nó là nhân tố tách rời giữa sản phẩm với người lao động, và đồng thời là một trong 2 điều kiện cần thiết của khuynh hướng bài vật giáo hàng hóa trong quá trình tích lũy tư bản. Trong *Bản thảo kinh tế triết học 1844*, C.Mác đã thể hiện tư tưởng đó khi cho rằng, SHTN do lao động bị tha hóa sinh ra; nhưng đến lượt mình, nó lại là nguyên nhân làm cho lao động bị tha hóa phát triển. Khi đạt trình độ cao nhất với SHTN TBCN thì lao động bị tha hóa lại tạo tiền đề để tự phủ định bằng cách thủ tiêu SHTN tư bản. Sự tha hóa con người do lao động bị tha hóa trong hình thức SHTN chỉ có thể được khắc phục với những tiền đề nhất định mà trình độ phát triển cao của sức sản xuất được các ông

gọi là “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết”. Nếu không có tiền đề đó thì “sự nghèo nàn sẽ trở thành phổ biến; mà với sự thiếu thốn tột độ thì ắt sẽ bắt đầu trở lại một cuộc đấu tranh để lại dành những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi rơi vào cùng sự ti tiện trước đây”¹⁰¹. Như vậy, không thể xóa bỏ chế độ tư hữu ở bất kỳ trình độ phát triển nào của nền sản xuất xã hội theo ý muốn chủ quan của con người; những người cộng sản chỉ đặt ra cho mình nhiệm vụ xóa bỏ tư hữu bằng cách xóa bỏ sở hữu tư sản mà thôi.

3. Một số vấn đề cần tìm hiểu thêm khi khuyến khích sự phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam từ lý luận về tồn tại Người

Thứ nhất, SHTN chỉ tạo thành động lực đối với sự phát triển kinh tế khi nó là động lực thúc đẩy hoạt động sáng tạo của con người. Bản chất của SHTN không phải là động lực của hoạt động sáng tạo của con người. SHTN và cái nảy sinh từ SHTN là pháp luật và nhà nước chỉ là cơ sở, là điều kiện để giai cấp có SHTN về TLSX lấy đi phần lợi ích là kết quả và sản phẩm trong hoạt động sáng tạo của con người. C.Mác đã thực sự khoa học khi nhận thấy vai trò của giai cấp tư sản và của SHTN về TLSX trong sự phát triển của cả xã hội theo mô hình CNTB. Khi máy hơi nước ra đời, không giai cấp nào trong xã hội đủ thông minh và trí tuệ hơn giai cấp tư sản trong việc phát hiện ra khả năng làm thay đổi thế giới mạnh mẽ như khoa học, một lĩnh vực hoạt động hiện thực hóa vô cùng sáng tạo của con người. Chính giai cấp tư sản chứ không phải giai cấp địa chủ phong kiến biết sử dụng công cụ từ SHTN về TLSX và những cái nảy sinh từ chế độ SHTN về TLSX để khai thác và áp đặt sức mạnh biến đổi thế giới của khoa học. Sức mạnh ghê gớm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và của PTSX TBCN đã được chính C.Mác nói đến

trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Giờ đây, sức mạnh không thể cưỡng lại được của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư của các nước TBCN phát triển có thể áp đặt đến mô hình TBCN kiểu mới các nước ra sao? Việc khuyến khích và coi SHTN như là một động lực của sự phát triển trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0 có ảnh hưởng như thế nào đối với việc định hướng lên CNXH hay là chất kích thích để gia tăng sức mạnh áp đặt mô hình của CNTB thế hệ mới ở VN? Đây là vấn đề chúng ta cần nghiên cứu và cần nhắc thêm.

Thứ hai, khuyến khích sự phát triển của kinh tế tư nhân thông qua động lực SHTN về TLSX về cơ bản phải tạo được mạng lưới các thể chế kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội thúc đẩy năng lực sáng tạo của con người. Theo những chứng minh của C.Mác, điểm quan trọng nhất để đánh giá tầm quan trọng của hệ thống các thể chế kinh tế - văn hóa - xã hội - chính trị trong việc thúc đẩy năng lực sáng tạo của con người trong các hoạt động hiện thực hóa là xem nó kim hãm hay thúc đẩy năng lực này. C.Mác đã chỉ ra, để giữ vững lập trường và quan điểm phải nhấn mạnh đến hệ thống các thể chế kinh tế và chính trị, coi đó là những cái ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sáng tạo của con người. Trong tình hình hiện nay, hệ thống các thể chế văn hóa - xã hội ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ đến năng lực sáng tạo của con người nên việc nghiên cứu nó rất cần thiết để làm phong phú thêm lý luận của C.Mác. Bản chất tồn tại người là thông qua tổng thể các hoạt động mang tính sáng tạo. Hoạt động sáng tạo của một tồn tại người chân chính không chỉ đơn thuần tạo nên một thể giới nhân hóa thứ hai cho loài người, mà chính là xây dựng, là quá trình nhân hóa chính cái thế giới thứ hai đó vào con người. Đây là quá trình con người khắc phục sự tha hóa, gạt bỏ sự cản trở của SHTN đối với hoạt động của

tồn tại người. Khuyến khích khả năng sáng tạo của con người thông qua SHTN thì cần phải làm nhiều hơn nữa những điều kiện, văn hóa, nhân cách, đạo đức, tâm lý xã hội để cho SHTN mới thành động lực của một mô hình phát triển theo định hướng XHCN.

Thứ ba, xây dựng thành công thể chế kinh tế - xã hội phát huy được nhân tố con người là điều kiện thực tiễn cần thiết để nhận thức con đường bỏ qua CNTB, xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Phát huy nhân tố con người có mục tiêu là biến những tiềm năng, năng lực, khả năng, năng lượng... và tổng quát hơn là biến tất cả những cái gì thuộc con người và có thể vận dụng vào hoạt động lao động sản xuất và cải tạo xã hội. Việc tìm kiếm những động lực mới, những nguồn lực con người Việt Nam đang bị cản trở là công việc khá bức thiết hiện nay. Trong mối tương quan giữa năng lực tinh thần và những năng lực vật chất được con người huy động vào các hoạt động thực tiễn, hiện nay, việc giải phóng các năng lực tinh thần khá quan trọng. Bởi vì, sự phát triển hiện nay đòi hỏi mỗi người phải có khả năng sáng tạo, tri thức, tổ chức, kỷ luật... Đây là những nhân tố nằm trong nhận thức của con người và phải bồi dưỡng, xây đắp hàng ngày, hàng giờ chứ không phải là vấn đề có thừa nhận hay không kinh tế tư nhân □

(1), (2), (7), (8) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, L3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.38, 38, 64, 49.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.14-15.

(4) (5) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, 599, 604.

(6) G.W.F.Hegel (Dịch và chú giải: Bùi Văn Nam Sơn): *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, Nxb Tri thức, tr.41-71.